

Bản án số: **44/2018/ HNGĐ-ST**
Ngày 04 tháng 10 năm 2018
V/v Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Khánh.
Các hội thẩm nhân dân:

- 1- Ông **Lê Tuấn Kiệt**.
- 2- Bà **Nguyễn Thị Bích Tuyên**.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Đặng Văn Kép, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B: Bà Lý Thử Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 78/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N – sinh năm 1993.*

Trú tại: số 3/6, ấp G, xã V, thành phố B, tỉnh B. (có mặt)

** Bị đơn: anh Tô Văn C – sinh năm 1990.*

Hộ khẩu thường trú: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và lời khai của chị Nguyễn Thị N, là nguyên đơn trình bày: chị N và anh Tô Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 30/01/2012. Sau khi kết hôn được 02 tháng thì vợ chồng bắt đầu xảy

ra mâu thuẫn do anh C không chăm lo làm ăn phụ giúp gia đình mà thường xuyên đi uống rượu với bạn bè rồi về nhà mắng chửi chị N. Trong thời gian chị N mang thai con đầu lòng thì chị thường xuyên bị ốm nghén nhưng anh C không chăm lo gì cho chị, một mình chị N phải chăm lo cho con và phải lo cho điều kiện kinh tế và cuộc sống gia đình. Chị N có khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh C vẫn không thay đổi. Đến ngày 02/02/2018 thì chị N đã dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống do anh C đuổi chị về. Ngoài ra anh C thường xuyên vô cớ nghi ngờ chị N về việc quản lý tiền bạc làm thất thoát tiền và nghi ngờ chị có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Xét thấy hiện tại mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay và tình cảm vợ chồng không còn nên chị N xin được ly hôn với anh Tô Văn C. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy con chung là cháu Tô Nguyễn Kiều M, sinh ngày 25/9/2015, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, hiện cháu M đang sống chung với chị N; đồng ý giao cháu Tô Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08/11/2012 cho anh C nuôi dạy, hiện cháu T đang sống với anh C. Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị N không yêu cầu gì thêm.

* Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải cùng ngày 04/4/2018, anh Tô Văn C, là bị đơn trình bày: anh C đồng ý về phần trình bày của chị N về phần thời gian chung sống cũng như việc đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do anh nghi ngờ chị N trong việc quản lý tiền bạc và nghi ngờ chị N có mối quan hệ tình cảm bất chính với người đàn ông khác, nhưng anh không có chứng cứ gì. Cho đến ngày 02/2/2018 khi anh C vừa đi ghe biển về đến nhà thì thấy chị N đang cãi nhau với mẹ và chị của anh. Anh C không biết lý do tại sao cãi nhau nhưng thấy con dâu cãi nhau với mẹ chồng là không đúng nên anh có nói với chị N là nếu ở không được thì dọn đi chỗ khác ở thì chị N đã bỏ về nhà cha ruột sống. Khi chị N về nhà mẹ ruột sống thì anh C có đến nhà để gặp vợ nhằm để vợ chồng về chung sống với nhau nhưng chị N không đồng ý, nhưng anh cũng không có cách nào để hàn gắn mâu thuẫn. Trong quá trình chung sống thì anh C có đi uống rượu với bạn bè, tuy nhiên anh vẫn đi làm. Nay chị N có yêu cầu xin ly hôn thì anh C không đồng ý ly hôn vì anh muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm lo cho cuộc sống gia đình và nuôi dạy con cái. Nếu phải ly hôn anh C yêu cầu được nuôi cả 02 con là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08/11/2012, hiện tại cháu đang sống chung với anh C và cháu Tô Nguyễn Kiều M, sinh ngày 25/9/2015, hiện tại đang sống với chị N, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh C không yêu cầu gì thêm.

* *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu , tỉnh B phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của

pháp luật. Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: chị N và anh C chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị N xin ly hôn, anh C không đồng ý ly hôn nhưng anh thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã sống riêng từ ngày 02/02/2018 đến nay, anh cũng không có cách nào hàn gắn mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly của chị N

+ Về con chung: hiện nay cháu Tô Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08/11/2012 đang sống chung với anh C và cháu Tô Nguyễn Kiều M, sinh ngày 25/9/2015 đang sống với chị N. Để không làm xáo trộn cuộc sống của con nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu T cho anh C nuôi dạy, giao cháu M cho chị N nuôi dạy. Do chị N và anh C đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không ra xem xét vấn đề cấp dưỡng. Chị N và anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Tô Văn C nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Tô Văn C có địa chỉ cư trú tại khóm Nhà Mát, phường Nhà Mát, thành phố B, tỉnh B nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn anh Tô Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Tô Văn C tự nguyện chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đã được xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 30/01/2012, việc chị N và anh C chung sống với nhau vợ chồng là có xảy ra trên thực tế và được các bên thống nhất thừa nhận. Hôn nhân giữa chị N và anh C là hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị N xin ly hôn với anh Tô Văn C, Hội đồng xét xử thấy rằng: cả chị N và anh C đều thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, anh C không tin tưởng chị N trong việc quản lý tiền bạc, anh còn vô cớ nghi ngờ chị N không chung thủy. Khi chứng kiến việc chị N cãi nhau với mẹ chồng anh C không cần tìm hiểu lý do đã yêu cầu chị N đi chỗ khác sống nên chị N đã về nhà cha

mẹ ruột sống, từ ngày 02/02/2018 đến nay vợ chồng đã không còn chung sống. Anh C thừa nhận có mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý ly hôn mà yêu cầu được đoàn tụ, nhưng anh cũng không có biện pháp nào hàn gắn mâu thuẫn. Anh C còn xác định nếu có chung sống tiếp anh cũng không thay đổi cách sống như trước đây thì không thể nào khắc phục được những mâu thuẫn đã phát sinh.

Xét thấy hôn nhân của chị N và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau chăm sóc gia đình, nay chị N cương quyết xin ly hôn với anh C mà anh C không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng thì vợ chồng cũng không thể hàn gắn đoàn tụ để chung sống tiếp tục. Mặt khác, hôn nhân được duy trì bền vững lâu dài và hạnh phúc là trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, chị N đã yêu cầu được ly hôn và xác định không thể tiếp tục chung sống với anh C thì việc chung sống không được tự nguyện cũng sẽ dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ phân tích, Hội đồng xét xử xét có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Tô Văn C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Căn cứ các chứng cứ liên quan như lời trình bày của các đương sự, giấy khai sinh thì có đủ cơ sở xác định cháu Tô Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08/11/2012 và cháu Tô Nguyễn Kiều M, sinh ngày 25/9/2015 là con chung của chị N và anh C. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi cháu M và đồng ý giao cháu T cho anh C nuôi, còn anh C thì yêu cầu được nuôi cả hai con. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu M đang sống ổn định với chị N, còn cháu T đang sống ổn định với anh C, để tránh xáo trộn tâm lý và điều kiện sinh hoạt, học tập của con chung nên việc giao cháu M cho chị N tiếp tục nuôi dạy, giao cháu T cho anh C tiếp tục nuôi dạy là phù hợp, không trái đạo đức xã hội, cũng như không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị N về con chung. Tòa án không giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị N và anh C không có yêu cầu.

Chị N và anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: chị N và anh C thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: chị N và anh C thống nhất xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, như đã phân tích ở trên là có cơ sở, phù hợp với nội dung vụ án nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: chị N là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Tô Văn C.

Xử cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Tô Văn C.

2/. Về con chung:

- Giao cháu Tô Nguyễn Kiều M, sinh ngày 25/9/2015 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, hiện cháu M đang sống chung với chị N. Anh Tô Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.
- Giao cháu Tô Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 08/11/2012 cho anh Tô Văn C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, hiện cháu T đang sống chung với anh C. Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C không yêu cầu.

Chị N và anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

3/. Về tài sản chung: Chị N và anh C thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/. Về nợ chung: Chị N và anh C thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008035 ngày 19/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị N có quyền kháng cáo bản án. Riêng anh C vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh B;
- VKSND TP.B;
- THA TP.B;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Trần Duy Khánh

